Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
FPT Fund Management
Joint Stock Company

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Uỷ Ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư
To: State Securities Commision of Vietnam, Vietnam Securities Depository, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau/ *FPT Fund Management Joint Stock Company would like to announce the information after exchange trading:*

- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triện Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ *Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch*

- Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50/ FPT Capital VNX50 ETF

- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEFCV50**

- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 7, Khối 17 tầng, tòa nhà FPT Tower, Số 10, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội/7th Floor, 17-story Block, FPT Tower, No. 10, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Hanoi

- Điện thoại/Tel: (84)24 - 7300 1313 Fax:

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **25/11/2026**

- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo DMCKCC đã dùng để hoán đổi 1 lô ETF như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I,	Chứng khoán (Stock)	1,531,730,000	99.86%
1	ACB	3,400	4.38%
2	BID	320	0.63%
3	BSR	270	0.41%
4	CTG	800	1.58%
5	DCM	100	0.20%
6	DGC	-	0.00%
7	DPM	180	0.21%
8	DXG	650	0.46%
9	EIB	1,000	1.04%
10	FPT	1,100	3.36%
11	FRT	70	0.68%
12	GEE	60	0.24%
13	GEX	580	0.75%
14	GMD	390	1.32%
15	HCM	570	0.85%
16	HDB	3,580	5.09%
17	HPG	3,580	4.76%
18	KBC	400	0.69%
19	KDH	610	0.61%
20	LPB	1,750	3.91%
21	MBB	3,500	4.13%
22	MSB	1,870	2.01%
23	MSN	600	2.70%
24	MWG	780	3.61%
25	NVL	1,550	1.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT, L=Quận Cầu Giấy, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0102326106
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.25 16:47:57+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.1

26	PLX	50	0.10%
27	PNJ	300	0.25%
28	POW	500	0.45%
29	PVS	240	0.42%
30	SHB	2,600	1.78%
31	SHS	550	0.48%
32	SSB	1,300	1.27%
33	SSI	1,420	1.83%
34	STB	1,240	5.63%
35	TCB	4,050	5.48%
36	TCX	340	0.62%
37	TPB	1,150	0.93%
38	VCB	660	2.16%
39	VCI	600	0.74%
40	VCK	420	0.73%
41	VHM	1,720	6.90%
42	VIB	1,530	1.34%
43	VIC	650	10.41%
44	VIX	1,690	1.39%
45	VJC	260	2.33%
46	VND	700	0.66%
47	VPL	150	0.94%
II,	Tiền (Cash)	2,099,997	0.14%
II,	Tổng (Total) (I+II)	1,533,829,997	100.00%

-Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi /Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

-Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: 1,531,730,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,533,829,997

- Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 2,099,997

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/With cash component:

Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: *Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component*

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: *Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán/Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/Applied investors	Lý do/State the reason
ACB	21,725	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MBB	19,910	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MWG	77,990	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
VCI	20,680	Công ty cổ phần Chứng Khoán VIETCAP/ VIETCAP Securities JSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

TCB	22,825	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
VIB	14,740	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/Current period (*) 25/11/2026	Kỳ trước/ Previous period (**) 23/11/2026	Chênh lệch/Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	4,300,000	4,300,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closed price	15,000	14,600	400
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value			-
Của quỹ ETF/ of the Fund	65,954,689,905	65,855,818,487	98,871,418
Của một lô ETF/per Creation Unit	1,533,829,997	1,531,530,662	2,299,335
Của một chứng chỉ quỹ/ per Share	15,338.29	15,315.30	23
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,980.24	3,002.70	(22)

(*)Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 24/11/2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/11/2026

Authorised Representative to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT

Nguyễn Thành Long

Người được ủy quyền công bố thông tin

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư FPT

Ngày ký 25/11/2026